

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02 /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 21/01/2022
V/v: "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình"

Yên Thành, ngày 21 tháng 01 năm 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Giang.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Dũng
Bà Chu Thị Xuyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Kiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành – tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành tham gia phiên tòa:
Không tham gia

Ngày 21 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 332/2021/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2021 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định hoãn phiên tòa số 89/2022/QĐST-HPT ngày 13 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Trần Quang T** – sinh năm 1972

Địa chỉ cư trú: xóm N, xã S, huyện Y, tỉnh Nghệ An (có mặt)

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị H** – sinh năm 1976

Địa chỉ cư trú: xóm N, xã S, huyện Y, tỉnh Nghệ An (vắng mặt lần 2)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 16/12/2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Quang T trình bày: anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn vào ngày 28/11/1995, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã S, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Sau ngày kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, ngày một căng thẳng và trầm trọng. Nguyên nhân chủ yếu: do tính cách không hòa hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm sống, dẫn đến cãi vã xúc phạm lẫn nhau, vợ chồng rạn nứt tình cảm trầm trọng. Bản thân anh

cũng như hai bên nội ngoại đã khuyên bàn hòa giải nhưng không thành. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, không còn quan hệ, qua lại gì với nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, không có khả năng để hàn gắn đoàn tụ được nữa, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là: Trần Quang T – sinh ngày 25/7/1996 và Trần Lan A – sinh ngày 19/3/1998. Hiện tại các con đã đủ tuổi trưởng thành và đã lập gia đình nên không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập và tổng đạt, hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị H theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng chị H vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành làm việc được với chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Đối với chị Nguyễn Thị H. Đây là phiên tòa được mở lần thứ 2 nhưng chị H vắng mặt không có lý do, nên Tòa án căn cứ vào điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H.

Xét hôn nhân giữa anh T và chị H là hợp pháp, tuân thủ các quy định của pháp luật. Song qua xem xét thực tế và xác minh tại địa phương thì thấy rằng, cuộc sống của vợ chồng nhiều năm qua không được hạnh phúc, tính cách không hòa hợp nhau. Mâu thuẫn liên tục xảy ra và đã thực sự trầm trọng, hai bên sống ly thân không còn tình cảm với nhau nữa. Tòa án đã khuyên bàn nhưng anh T vẫn một mực xin được ly hôn. Xét đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc anh T xin ly hôn chị H là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung nhưng đều đã trưởng thành nên tòa không xem xét.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

Về án phí: Anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 điều 28, điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự; điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình.

Xử: Cho anh Trần Quang T được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

Về án phí: Căn cứ điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc anh Trần Quang T phải nộp 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh T đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Yên Thành theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010996 ngày 17/12/2021. Anh T đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm. Anh T có mặt được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị H vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi gửi:

- VKS H. Yên Thành
- Các đương sự
- THA DS H. Yên Thành
- TAND tỉnh
- UBND Xã
- Lưu hs, VP

(Đã ký)

Phạm Văn Giang